

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RC6	7:25	12+9	0+0		11+8	0+0	
2		VSP02	7:25	20	0		20	0	
3		RC8+RC4+RC5	7:25	8+6+7	0+0+0		0+7+11	0+0+0	
4		RP1+RCDM	9:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
5		RP3+RP1	9:25	9+9	0+0		7+10	0+0	
6		RP3+RC6	9:25	21+0	0+0		21+1	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ 1 người RC6 đi về trong ngày



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH - 1	TO: VSP02 - RC6	CREW: QVIỆT - XTRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0060	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ARTIUSHIN S.I	VSP02	85	1	13			91	ANTOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	86-87	2	22			75	YTE	Vietnamese
3	DUCHENKO ALEXEY	VSP02	82	1	4			139	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO SERGEY	VSP02	71	1	7			87	KH-THAC	Russian
5	TRẦN XUÂN KINH	VSP02						65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	92	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUYẾT *	VSP02	88	1	6			52	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TẤN LINH	VSP02	89	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	VSP02	90-91	2	9			97	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	93	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	83	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	84	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG QUỐC VĂN *	RC6	28-29	2	8			59	SGC	Vietnamese
14	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	30	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG DŨNG	RC6	36	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUỐC VIỆT	RC6	27	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6				2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC6	31-32	2	28			73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN XUÂN THÀNH	RC6	33	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN HẠNH	RC6	35	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HA	RC6	34	1	10			76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	12	951	13	93	0	0	11		
2	RC6	9	625	10	86	2	30	8		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.576</b>	<b>23</b>	<b>179</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.576</b>		<b>179</b>		<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: VSP02	CREW: NAM - KHOAN - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0064	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM DUY QUANG	VSP02						68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN MINH CUONG	VSP02	15	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	08-09	2	9			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	10	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	07	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	12	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	VSP02						71	KH-THAC	Vietnamese
8	LŨ SƠN	VSP02	27	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
9	LUƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	11	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	23	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	25-26	2	8			85	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY BINH	VSP02	19-20	2	8			78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG NGỌC CUONG	VSP02	17	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THAI SƠN	VSP02	18	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
15	HA MẠNH THẮNG	VSP02	13	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO TRUNG DŨNG	VSP02	16	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ VĂN HUNG	VSP02	14	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	24	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	21	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	VSP02	22	1	5			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	20	1.409	21	114	0	0	20		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.409</b>	<b>21</b>	<b>114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.409</b>		<b>114</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ XUÂN HOÀN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: vang-1	TO: RC8 - RC4 - RC5	CREW: LINH - SON - DTUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0066	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HUYNH MINH SANG	RC8	92	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
2	VU THANH TUNG	RC8	56	1	10			57	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU TIEN BINH	RC8	88-90	3	18			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HUNG*	RC8	53	1	6	2	37	71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	RC8	57	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN ANH QUANG	RC8	54	1	8	1	14	80	CODIEN	Vietnamese
7	HUA HUNG SON	RC8	91,93	2	18			73	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TAT TAM	RC8	52	1	4			51	PSV	Vietnamese
9	TRAN MINH THI	RC4	59	1	8			107	KH-THAC	Vietnamese
10	VO THANH TU*	RC4	56	1	6	2	36	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH SON	RC4	57-58	2	3			76	KH-THAC	Vietnamese
12	VO HUY HOANG	RC4	55	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN KIM THACH	RC4	53-54	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHE	RC4	52	1	5			68	PSV	Vietnamese
15	CAO THANH HOP	RC5						68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HAN	RC5	88-89	2	15	2	27	78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG MANH PHI	RC5	86-87	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG TUAN ANH	RC5	90	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC HUY	RC5	83	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VU HOANG	RC5	84-85	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
21	KIEU MINH QUYET	RC5	82	1	4			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	8	551	11	77	3	51	0		
2	RC4	6	469	8	37	2	36	8		
3	RC5	7	529	9	73	2	27	11		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.549</b>	<b>28</b>	<b>187</b>	<b>7</b>	<b>114</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.549</b>		<b>187</b>		<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

NGO VAN LINH  
PHAM THAI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RP1 - RCDM	CREW: QVIỆT - XTRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0061	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	97	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH *	RP1	89	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TỬ *	RP1	19	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	98	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	18	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA DUY	RP1	90	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRI KHANH	RP1	94	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY NGOC	RP1	91-93	3	19			73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BA HOANG	RP1	25	1	13	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI QUANG HOAN	RP1	21	1	6	1	18	100	YTE	Vietnamese
11	ĐO VĂN THANH	RP1	17	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH MINH TRI	RP1	95	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG THÀNH DÂN	RP1	99	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THẮNG	RP1	23	1	12			93	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP1	96	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỢI	RP1	20	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
17	HA TÂN DUNG	RP1	24	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CHI BAO	RCDM						76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	78	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
20	TỬ TUẤN TỬ *	RCDM	77	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG HUNG	RCDM	74-75	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	76	1	6	1	17	73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	17	1.205	19	124	3	48	17		
2	RCDM	5	402	5	34	1	17	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.607</b>	<b>24</b>	<b>158</b>	<b>4</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.607</b>		<b>158</b>		<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THÙY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
HÀ XUÂN TRƯỜNG

  

*có 3 pax mang sắc đỏ phòng*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RP1	CREW: NAM - XHOÀN - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0065	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV D.A.	RP3	87	1	3			89	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HOAI THANH	RP3	92	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BAO TOAN	RP3	86	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TẤN CHÂU*	RP3	94	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	91	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM MINH TOÀN	RP3	89	1	9	1	14	58	YTE	Vietnamese
7	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	90	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	93	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO ĐỨC THANH	RP3	85	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ VĂN ĐÔNG	RP1	21	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	24	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	26	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CHI CÔNG	RP1	25	1	6	4	60	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	22	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TÂN	RP1	23	1	5			57	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN CUÔNG	RP1	27	1	13			56	DUY LINH	Vietnamese
17	ĐẶNG TRẦN LONG	RP1	28	1	10	1	7	60	DUY LINH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	9	672	9	52	1	14	7		
2	RP1	8	507	8	62	5	67	10		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.179</b>	<b>17</b>	<b>114</b>	<b>6</b>	<b>81</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.179</b>		<b>114</b>		<b>81</b>			

GRAND TOAL: 1.374 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ XUÂN HOÀN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VANG - 2	TO: RP3 - RC6	CREW: LINH - SON - DTUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0067	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ QUANG HUNG *	RP3	81-82	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ QUỐC THÔNG	RP3	79	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT HUNG	RP3	77	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SỸ CÔNG	RP3	96	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG THANH	RP3	95	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	80	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	300	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH TÂN NGŨN *	RP3	97	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	92	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	MÃ ANH TIT	RP3	85	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO QUANG TỎ	RP3	86	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	99	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	HÀ VĂN NIN	RP3	89-90	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	76	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HOANG VINH	RP3	94	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NAM TRUNG	RP3	87	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	93	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	98	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUÝ HAI	RP3	78	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	91	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NGHĨA	RP3	88	1	4			61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.450	23	128	0	0	21		
2	RC6	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.450</b>	<b>23</b>	<b>128</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.450</b>		<b>128</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN